TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty tài chính TNHH N; Địa chỉ trụ sở: tầng N, Tòa nhà R, số XX Đường Đ, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Trường G, sinh năm 1988; địa chỉ: tầng M, Tòa nhà R, số XX Đường Đ, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/6/2022).

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1989; cư trú tại: Số XYZ ấp, xã H, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông G có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Công ty tài chính TNHH N (viết tắt: Công ty tài chính N) do ông Trần Trường G đại diện trình bày:

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2019, bà Đặng Thị Thu T có ký hợp đồng tín dụng số 20190914-1907687 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính TNHH N) vay số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 3,92%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, bà T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Công ty tài chính N trong thời hạn 24 tháng với số tiền 49.295.627 đồng, trong đó 23 tháng đầu, mỗi tháng bà T trả 2.058.150 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.958.177 đồng. Thời hạn trả bắt đầu từ ngày 12 tháng 10 năm 2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính N 08 (tám) lần với tổng số tiền đã trả là 10.366.299 đồng. Kể từ sau ngày 19/02/2020 đến ngày 13/9/2021, bà T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty tài chính N mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty tài chính N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Thu T thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty tài chính N toàn bộ số tiền nợ bao gồm: Nợ gốc tính đến ngày 13/9/2021 là 27.175.797 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 13/9/2021 là 11.753.531 đồng, tổng cộng là 38.929.328 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Trần Trường G đại diện Công ty tài chính N trình bày như sau: Ông G xác định sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà T có thực hiện thanh toán thêm cho Công ty tài chính N 02 (hai) lần vào các ngày 30/7/2022 với số tiền 7.176.000 đồng và ngày 03/8/2022 với số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T đã trả cho Công ty tài chính N 10 (mười) lần là 32.542.299 đồng. Do đó, ông G thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu bà T trả cho Công ty tài chính N số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/8/2022 là 14.219.390 đồng, nợ lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 2.533.938 đồng, tổng cộng là 16.753.328 đồng, không yêu cầu lãi chậm trả do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 14/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời ông G đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T trả lãi chậm thi hành án theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà không yêu cầu trả lãi chậm trả đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20190914-1907687 ngày 12/9/2021 giữa hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty tài chính N có đơn khởi kiện tranh chấp đối với bà Đặng Thị Thu T cư trú tại xã H, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ đã vay trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi xem xét đơn khởi kiện, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, các đương sự đều có địa chỉ cư trú, trụ sở rõ ràng và không có đương sự ở nước ngoài, đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn. Căn cứ theo Điều 316, Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn.

[3] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn bà Đặng Thị Thu T nhưng bà T vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Công ty tài chính N đòi bà Đặng Thị Thu T trả số tiền 16.753.328 đồng, thấy rằng:

[5] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20190914-1907687 ngày 12/9/2019 giữa bà Đặng Thị Thu T với Công ty tài chính N và phê duyệt của Công ty tài chính N thể hiện bà T có vay của Công ty tài chính N số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 3,92%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn thông thường. Theo hợp đồng, bà T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Công ty tài chính N trong thời hạn 24 tháng với số tiền 49.295.627 đồng, trong đó 23 tháng đầu, mỗi tháng bà T trả 2.058.150 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.958.177 đồng. Thời hạn thanh toán bắt đầu từ ngày 12/10/2019.

[6] Sau khi được Công ty tài chính N giải ngân cho đến ngày 19/02/2020, bà T đã trả cho Công ty tài chính N 08 (tám) lần với số tiền 10.366.299 đồng. Sau đó, tính đến ngày 13/9/2021 là ngày mãn hạn của Hợp đồng tín dụng nhưng bà T không thực hiện trả nợ cho Công ty tài chính N, đã để nợ quá hạn.

[7] Theo đại diện nguyên đơn xác nhận: Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, bà T có thực hiện thanh toán nợ thêm 02 (hai) lần cho nguyên đơn vào các ngày 30/7/2022 số tiền 7.176.000 đồng và ngày 03/8/2022 số tiền 15.000.000 đồng. Theo đó, tổng số tiền bà T đã trả cho Công ty tài chính N 10 (mười) lần là 32.542.299 đồng, số tiền nợ bà T còn thiếu gồm nợ gốc tính đến ngày 05/8/2022 là 14.219.390 đồng, nợ lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 2.533.938 đồng, tổng cộng là 16.753.328 đồng.

[8] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20190914-1907687 ngày 12/9/2019 thể hiện lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 3,92%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, đại diện bị đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 13/9/2021 đến ngày 05/8/2022 và chỉ yêu cầu lãi chậm thi hành án theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và không trái quy định pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[9] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà T có vay và còn nợ Công ty tài chính N số tiền nợ gốc tính đến ngày 05/8/2022 là 14.219.390 đồng, nợ lãi tính đến ngày 13/9/2021 là 2.533.938 đồng, tổng cộng là 16.753.328 đồng.

[10] Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản nên căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính N số tiền 16.753.328 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 418.833 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 316, 317, 320 và 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH N đối với bà Đặng Thị Thu T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đặng Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền nợ gồm tiền gốc là 14.219.390 đồng và nợ lãi đến ngày 13/9/2021 là 2.533.938 đồng, tổng cộng 16.753.328 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sợ sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 418.833 đồng; hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền tạm ứng án phí là 486.617 đã nộp theo biên lai thu số 0001702 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn